

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN: TOÁN 11
NĂM HỌC: 2023 – 2024
THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
1	HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC VÀ PHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC	I.1. Góc lượng giác	Nhận biết: - Đổi đơn vị góc từ độ sang radian và ngược lại. - Sử dụng hệ thức Chasles để tính các góc lượng giác. - Tính độ dài cung tròn Thông hiểu: - Tính được số đo của góc lượng giác dựa vào hình vẽ biểu diễn của nó trên đường tròn lượng giác. - Tìm số đo α của góc lượng giác thỏa điều kiện cho trước và biết số đo của một góc lượng giác cùng tia đầu, tia cuối với nó.	2	2.0	1	2.0					3	4.0	8.8
2		I.2. Giá trị lượng giác của một góc lượng giác.	Nhận biết: - Cho biết cụ thể 1 giá trị lượng giác $\sin\alpha$ hoặc $\cos\alpha$, xác định sự tồn tại của góc lượng giác α . - Cho biết cụ thể tia cuối hoặc số đo của góc lượng giác α , xác định dấu của các	2	2.0	1	2.0					3	4.0	8.8

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
			giá trị lượng giác sin, cos, tan, cot của góc α . - Cho trước các giá trị lượng giác đặc biệt ($\sin \alpha, \cos \alpha \in \{0, \pm 1, \pm \frac{1}{2}, \pm \frac{\sqrt{3}}{2}, \pm \frac{\sqrt{2}}{2}\}$, $\tan \alpha, \cot \alpha \in \{0, \pm 1, \pm \sqrt{3}, \pm \frac{\sqrt{3}}{3}\}$, tìm α hoặc tìm điểm cuối biểu diễn cho góc α . - Áp dụng các hệ thức lượng giác cơ bản để tính, chứng minh,... Thông hiểu: - Tính các giá trị lượng giác còn lại của góc α nếu biết một giá trị lượng giác cụ thể của α và điều kiện $m \leq \alpha \leq n$. - Bài toán vận dụng cung liên kết để tính các giá trị lượng giác của góc $(m +\alpha)$ theo giá trị lượng giác góc α .											
3		I.3. Các công thức lượng giác.	Nhận biết: - Nắm được các công thức lượng giác cơ bản và sử dụng để tính các giá trị lượng giác khác khi biết 1 giá trị lượng giác - Biết cách xét dấu của các giá trị lượng giác Thông hiểu:	2	2.0	2	4.0					4	6.0	11.7

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
			- Tính giá trị của biểu thức chứa giá trị lượng giác sin, cos, tan, cot của nhiều góc - Chứng minh, rút gọn các hệ thức lượng giác đơn giản .											
4		I.4. Hàm số lượng giác và đồ thị.	Nhận biết: - Xác định tập xác định của các hàm số $y = \sin u$, $y = \cos u$, $y = \tan u$, $y = \cot u$ (chỉ giải một điều kiện xác định duy nhất, không có căn thức) - Xác định tính chẵn, lẻ của hàm số - Tìm tập giá trị của các HSLG cơ bản Thông hiểu -Tìm tập xác định của hàm số lượng giác (có chứa mẫu). - Tìm tập giá trị của một số hàm số lượng giác	1	1.0	1	2.0					3	10.0	15.8
5		I.5. Phương trình lượng giác cơ bản.	Nhận biết: - Giải các phương trình lượng giác dạng $\sin u = m$, $\cos u = m$, $\tan u = m$, $\cot u = m$ (đúng dạng) - Giải các phương trình lượng giác cơ bản đặc biệt $\sin u = 0.1$, $\cos u = 0.1$, $\sin u = -1$, $\cos u = -1$ Thông hiểu	1	1.0	1	2.0	1	7.0			3	10.0	15.8

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
			- Giải phương trình lượng giác cơ bản có đổi dấu hàm số lượng giác $\left(\begin{array}{l} \sin(ax+b)=-\sin(cx+d); \\ \cos(ax+b)=-\cos(cx+d); \\ \tan(ax+b)=-\tan(cx+d); \\ \cot(ax+b)=-\tan(cx+d) \end{array} \right).$ - Giải phương trình lượng giác có chuyển đổi giữa sin và cosin $(\sin(ax+b)=\cos(cx+d))$. Vận dụng - Giải phương trình lượng giác có chuyển đổi giữa tan và cotan $(\tan(ax+b)=\cot(cx+d))$. - Tìm nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản trên các khoảng, đoạn cho trước hoặc thỏa điều kiện cho trước. - Tìm nghiệm phương trình lượng giác cơ bản từ các bài toán thực tế. - Giải phương trình lượng giác có thực hiện phép biến đổi lượng giác đơn giản (Công thức lượng giác cơ bản, nhân đôi, hạ bậc).											
6	DÃY SỐ - CẤP SỐ CỘNG -	II.1. Dãy số.	Nhận biết: - Xác định được các số hạng của dãy số khi biết công thức tổng quát u(n).	1	1.0	1	2.0					2	3.0	5.8

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
	CẤP SỐ NHÂN		- Liệt kê các số hạng của dãy số khi có công thức tổng quát. - Xét tính tăng giảm của dãy số hữu hạn được cho dưới dạng khai triển. Thông hiểu: - Xét tính tăng giảm, bị chặn của dãy số hữu hạn hoặc dãy số $u(n)$ có công thức đơn giản. VD: $u(n)=1/n$; $u(n)=an+b$.											
7		II.2. Cấp số cộng.	Nhận biết: - Cho dãy số ở dạng liệt kê hữu hạn, nhận biết được đó là dãy cấp số cộng. Thông hiểu: - Cho biết giá trị u_1 , công sai d của dãy cấp số cộng, tính S_n . - Cho biết giá trị u_1, u_k của dãy cấp số cộng, tìm d . - Cho biết công sai d , giá trị u_k của một cấp số cộng, tìm u_1 . - Cho giá trị u_1 , công sai d hoặc u_1 và u_n tính S_n . - Xác định u_1 và công sai d khi biết hệ phương trình bậc 1 có chứa các yếu tố u_1, d, n, u_n, S_n Vận dụng:	2	2.0	1	2.0			1	12.0	4	16	18.8

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
			- Xác định u_1 và d khi biết hệ có chứa các phương trình bậc 2 theo các đối tượng u_1, d, n, u_n, S_n . - Tìm 3,4,5 số hạng liên tiếp của một cấp số cộng có áp dụng tính chất $u_{k-1}+u_{k+1}=2u_k$ ($k\geq 2$) - Giải quyết được bài toán thực tiễn											
8		II.3. Cấp số nhân.	Nhận biết: - Cho dãy số ở dạng liệt kê hữu hạn, nhận biết được đó là dãy cấp số nhân. - Cho dãy số (u_n) có các số hạng lập thành cấp số nhân, biết công thức tổng quát của $u(n)$, tìm u_1, q, u_k với k cho trước. Thông hiểu: - Cho biết giá trị u_1, q của dãy cấp số nhân, tính S_n . - Cho biết giá trị u_1, u_k của dãy cấp số nhân, tìm q . - Xác định u_1 và công bội q khi biết hệ phương trình bậc 1 có chứa các yếu tố u_1, q, n, u_n, S_n	2	2.0	1	2.0					3	4.0	8.8

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TN	Thời gian	Câu TN	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
9	ĐƯỜNG THẲNG VÀ MẶT PHẲNG. QUAN HỆ SONG SONG TRONG KHÔNG GIAN	III.1. Điểm, đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	Nhận biết: - Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng khi có sẵn 2 điểm chung. Thông hiểu: - Tìm giao tuyến của hai mặt phẳng khi đã có 1 điểm chung và có sẵn hai đường thẳng cắt nhau. - Tìm giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng thông qua 1 lần cắt nhau. Vận dụng: - Tìm giao tuyến và giao điểm khi chưa có điểm chung	1	1.0	1	2.0	1	7.0			2	3.0	5.8
Tổng				14	14	10	20	2	14	1	12	24	60	100
Tỉ lệ %				40		30		20		10		100		
Tỉ lệ chung %				70				30				100		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11
NĂM HỌC: 2023 – 2024
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

Chủ đề kiến thức	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Thấp	Cao	
Phần I: Đọc Đọc hiểu văn bản ngoài nhà trường (Truyện ngắn hiện đại)	- Nhận biết được không gian, thời gian trong tác phẩm tự sự - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật - Nhận biết được đề tài; các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện . - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện.	Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm. - Chỉ ra được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, lí giải được mối quan hệ trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản - Lí giải được tình cảm, thái độ của người kể chuyện - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật.	Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.	Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp... trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm cùng thể loại thuộc những nền văn học khác nhau.	
	<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 1,5</i> <i>Thời gian: 10p</i>	<i>Số câu: 2.</i> <i>Số điểm: 3.0</i> <i>Thời gian: 15p</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 1.0</i> <i>Thời gian: 15p</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 0,5</i> <i>Thời gian: 10p</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Số điểm: 6</i> <i>Thời gian: 50p</i> <i>Tỉ lệ: 60%</i>

Phần II Viết Nghị luận về một vấn đề xã hội	Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.	- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.	- Sử dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội.	
	<i>Số điểm: 1.0</i>	<i>Số điểm: 1.5</i>	<i>Số điểm: 10</i>	<i>Số điểm: 0.5</i>	Số câu: 1 Số điểm: 4 Thời gian: 40p Tỷ lệ: 40%
Cộng chung	Số điểm 2.5	Số điểm 4.5	Số điểm 2	Số điểm 1	Tổng số phần: 2 Tổng điểm: 10 Thời gian: 90p Tổng tỷ lệ: 100%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TIẾNG ANH – Năm học 2023-2024
LỚP 11 (40 CÂU TRẮC NGHIỆM – 10 CÂU TỰ LUẬN)

CHUYÊN ĐỀ	KIẾN THỨC	CẤP ĐỘ CÂU HỎI						TỔNG SỐ CÂU	
		Nhận biết - Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
PRONUNCIATION	Phát âm "-ed"	1						1	
	Phụ âm			1				1	
STRESS	Trọng âm từ có 2 hoặc 3 âm tiết	1		1				2	
GRAMMAR	Verb tenses	2		2		1		5	
	Subject – Verb egreements	1		1		1		3	
	Modal verbs (SHOULD – MUST)	2		1		1		4	
	Error recognition	1		1				2	
	Phrasal verbs/ Collocations (MAKE – DO)	2		1				3	
VOCABULARY (A LONG AND HEALTHY LIFE – GENERATION GAP)	Collocations			1				1	
	Word forms		3		2				5
	Synonym	1		1				2	
	Antonym	1		1				2	
SPEAKING	Common spoken expressions	1						1	
READING (A LONG AND HEALTHY LIFE – GENERATION GAP)	Conjunction	1						1	
	Prepositions	1		1				2	
	Relative words	1						1	
	Synonym			1				1	
	Word choice	1						1	
	Inference	1		1				2	
	Comprehension	3		2				5	
WRITING (Sentence transformation)	Verb tenses (Simple past vs Present perfect)				1		1		2
	Modal verbs				1				1
	Phrasal verbs (MAKE – DO)		1				1		2
TỔNG CỘNG								40 (6Đ)	10 (4Đ)

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN: VẬT LÝ 11 (2023 - 2024)
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	Đơn vị kiến thức	MỨC ĐỘ KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								TỔNG		% tổng điểm
				NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO		Số câu	Thời gian (phút)	
				Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian	Câu TL	Thời gian			
1	Chủ đề 1. Dao động	Dao động điều hoà	Nhận biết - Nêu được khái niệm dao động điều hòa và phương trình của dao động điều hòa. - Nêu được các đại lượng đặc trưng của dao động điều hòa: biên độ, chu kì, tần số và tần số góc, pha ban đầu, độ lệch pha. Thông hiểu - Phân tích đồ thị và rút ra phương trình li độ, vận tốc và gia tốc của dao động điều hòa. - Sử dụng đồ thị, phân tích và thực hiện phép tính cần thiết để xác định được: li độ, vận tốc và gia tốc, độ lệch pha trong dao động điều hoà. Vận dụng - Vận dụng được các phương trình về li độ và vận tốc, gia tốc của dao động điều hoà. Tính được li độ, vận tốc, gia tốc ở thời điểm t bất kỳ	1	3,5	1	2,5	0,5	4			2	10	25

			- Viết được phương trình dao động điều hòa khi có các điều kiện ban đầu											
2		Một số dao động điều hòa thường gặp	Nhận biết - Nêu được cấu tạo và công thức tính chu kì, tần số, tần số góc dao động của con lắc đơn và con lắc lò xo. Thông hiểu - Hiểu được các lực tác dụng khi vật nhỏ m ở vị trí có li độ x của con lắc lò xo dao động theo phương ngang hoặc theo phương thẳng đứng. Vận dụng - Viết được phương trình dao động điều hòa khi có các điều kiện ban đầu - Giải được những bài toán đơn giản về dao động của con lắc lò xo dao động theo phương ngang hoặc theo phương thẳng đứng (bỏ qua ma sát và lực cản) Vận dụng cao - Giải được những bài toán về dao động của con lắc lò xo dao động theo phương ngang hoặc theo phương thẳng đứng ở mức cao hơn.	1,0	3,5	0,5	2,0	0,5	3,5	0,5	4,0	2,5	13	25
3		Năng lượng trong dao động điều	Nhận biết - Nêu được định nghĩa và công thức động năng, thế năng, cơ năng trong dao động điều hòa. - Nêu được sự chuyển hóa năng lượng trong dao động điều hòa của con lắc	1	3,5	0,5	2	0,5	3,5			2	9	25

		hoà	đơn. Thông hiểu - Sử dụng đồ thị, phân tích và thực hiện phép tính cần thiết để mô tả được sự chuyển hóa động năng và thế năng trong dao động điều hòa. Vận dụng - Vận dụng được kiến thức để làm bài tập và giải thích được một số vấn đề trong thực tế. - Sử dụng đồ thị, phân tích và thực hiện phép tính cần thiết để mô tả được sự chuyển hóa động năng và thế năng trong dao động điều hòa. - Mô tả được sự trao đổi giữa thế năng và động năng của hệ bằng công thức và đồ thị.											
4		Dao động tắt dần - Dao động cưỡng bức và hiện tượng cộng hưởng	Nhận biết - Nêu được định nghĩa dao động tắt dần, nguyên nhân tắt dần của dao động. - Nêu được định nghĩa dao động cưỡng bức và đặc điểm của dao động cưỡng bức. Thông hiểu - Mô tả và phân tích được điều kiện xảy ra cộng hưởng và đặc điểm của hiện tượng cộng hưởng. Vận dụng - Vận dụng được kiến thức để làm bài tập về hiện tượng cộng hưởng và giải thích được một số vấn đề trong thực tế. - Nêu được ví dụ thực tế về dao động tắt dần, dao động cưỡng bức và hiện	1,0	3,5	0,5	2,0	0,5	3,5	0,5	4,0	2,5	13	25

			tượng cộng hưởng. Vận dụng cao Vận dụng công thức để làm bài tập về dao động tắt dần, phần trăm năng lượng giảm đi.											
Tổng				4,0	14	3	8,5	2	14,5	1	8	10	45,00	100
Tỉ lệ %				40		30		20		10		100		
Tỉ lệ chung %				70				30				100		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: Hóa học 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút – Hình thức: Tự luận

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Thời gian	% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)		
1	CÂN BẰNG NƯỚC	Khái niệm về cân bằng hoá học			1	5	1	6				20%
		Cân bằng trong dung dịch nước	1	3	1	5			1	7		30%
2	NITROGEN VÀ SULFUR	Đơn chất nitơ (nitrogen)					1	6				10%
		Ammonia và một số hợp chất ammonium			1	4						10%
		Một số hợp chất với oxygen của nitrogen.	1	3								10%
3	TỔNG HỢP		2	6							20%	
Tổng			4	12	3	14	2	12	1	7	45	100%
Tỉ lệ %			40		30		20		10			100%

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

BẢNG ĐẶC TẢ CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG HÓA HỌC 11 – GIỮA HỌC KỲ 1 – NĂM HỌC 2023 - 2024

THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút – Hình thức: Tự luận

TT	Chương/ Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	CÂN BẰNG HÓA HỌC	1. Khái niệm về cân bằng hoá học	Nhận biết – Trình bày được khái niệm phản ứng thuận nghịch. – Trình bày được khái niệm trạng thái cân bằng của một phản ứng thuận nghịch.				
			Thông hiểu – Viết được biểu thức hằng số cân bằng (K_C) của một phản ứng thuận nghịch. – Giải thích ảnh hưởng của nhiệt độ, nồng độ, áp suất đến cân bằng hoá học theo nguyên lý chuyển dịch cân bằng Le Chatelie.		1		
			Vận dụng – Vận dụng được nguyên lý chuyển dịch cân bằng Le Chatelier để giải quyết các trường hợp thực tế nhằm nâng cao hiệu suất phản ứng theo ý muốn – Tính hằng số cân bằng K_C			1	
		2. Cân bằng trong dung dịch nước	Nhận biết – Nêu được khái niệm sự điện li. – Nêu được khái niệm chất điện li và chất không điện li. – Nêu được khái niệm pH. – Nêu được nguyên tắc xác định nồng độ acid, base mạnh bằng phương pháp chuẩn độ. – Viết được biểu thức tính pH ($\text{pH} = -\lg[\text{H}^+]$ hoặc $[\text{H}^+] = 10^{-\text{pH}}$)	1			
			Thông hiểu – Trình bày được thuyết Brønsted – Lowry về acid – base.		1		

			– Biết cách sử dụng các chất chỉ thị để xác định pH (môi trường acid, base, trung tính) bằng các chất chỉ thị phổ biến như giấy chỉ thị màu, quỳ tím, phenolphthalein,... – Thực hiện được thí nghiệm chuẩn độ acid – base: Chuẩn độ dung dịch base mạnh (sodium hydroxide) bằng acid mạnh (hydrochloric acid).				
			Vận dụng – Nêu được ý nghĩa của pH trong thực tiễn (liên hệ giá trị pH ở các bộ phận trong cơ thể với sức khỏe con người, pH của đất, nước tới sự phát triển của động thực vật,...).				
			Vận dụng cao – Trình bày được ý nghĩa thực tiễn cân bằng trong dung dịch nước của ion Al^{3+}, Fe^{3+} và CO_3^{2-}. – Thực hiện được các bài toán tính pH, bảo toàn điện tích, pha loãng hay cô đặc dung dịch				1
2	NITROGEN VÀ SULFUR	3. Đơn chất nitơ (nitrogen)	Nhận biết – Phát biểu được trạng thái tự nhiên của nguyên tố nitrogen. – Trình bày được tính chất vật lý, tính chất hóa học cơ bản của nitrogen. Viết được phương trình hoá học minh họa.				
			Thông hiểu – Giải thích được tính trơ của đơn chất nitơ ở nhiệt độ thường thông qua liên kết và giá trị năng lượng liên kết. – Trình bày được sự hoạt động của đơn chất nitơ ở nhiệt độ cao đối với hydrogen, oxygen. – Giải thích được các ứng dụng của đơn chất nitơ khí và lỏng trong sản xuất, trong hoạt động nghiên cứu.				

			Vận dụng, vận dụng cao – Liên hệ được quá trình tạo và cung cấp nitrate (nitrat) cho đất từ nước mưa. – Tính hiệu suất phản ứng thực tế			1	
		4. Ammonia và một số hợp chất ammonium	Nhận biết – Mô tả được công thức Lewis. – Mô tả được hình học của phân tử ammonia. – Trình bày được tính dễ tan của muối ammonium. – Trình bày được ứng dụng của ammonia (chất làm lạnh; sản xuất phân bón như: đạm, ammophos; sản xuất nitric acid; làm dung môi. – Trình bày được ứng dụng của ammonium nitrate – Trình bày được ứng dụng của một số muối ammonium tan như: phân đạm, phân ammophos... – Trình bày được tính chất vật lý, hóa học cơ bản của ammonia, muối ammonium. Viết được phương trình hoá học minh họa.				
			Thông hiểu – Dựa vào đặc điểm cấu tạo của phân tử ammonia, giải thích được tính chất vật lý (tính tan), tính chất hoá học (tính base, tính khử). – Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của muối ammonium (chuyển hoá thành ammonia trong kiềm, dễ bị nhiệt phân). – Nhận biết được ion ammonium trong dung dịch. – Quan sát, nêu hiện tượng và giải thích được một số hiện tượng về tính tan của ammonia, một số hiện tượng hóa học liên quan đến muối ammonium		1		
			Vận dụng				

			– Vận dụng được kiến thức về cân bằng hoá học, tốc độ phản ứng, enthalpy cho phản ứng tổng hợp ammonia từ nitơ và hydrogen trong quá trình Haber.				
		5. Một số hợp chất với oxygen của nitrogen	Nhận biết – Nêu được cấu tạo của HNO_3 – Biết được các nguyên nhân gây ra hiện tượng mưa axit, hiện tượng phú dưỡng	1			
			Thông hiểu – Nêu được tính acid của nitric acid – Nêu được tính oxi hoá mạnh trong một số ứng dụng thực tiễn quan trọng của nitric acid. – Phân tích được nguồn gốc của các oxide của nitrogen trong không khí và nguyên nhân gây hiện tượng mưa acid.				
			Vận dụng – Giải thích được nguyên nhân, hệ quả của hiện tượng phú dưỡng hoá (<i>eutrophication</i>).				
3	TỔNG HỢP		Nhận biết – Trình bày ứng dụng của nitrogen và các hợp chất của nitrogen – Trình bày cấu tạo của nitrogen và các hợp của nitrogen – Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của nitrogen và các hợp chất của nitrogen. Viết phản ứng minh họa hoặc thực hiện chuỗi phản ứng – Biết được các nguyên nhân gây ra hiện tượng mưa axit, hiện tượng phú dưỡng	2			
Tổng số câu				4	3	2	1
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				40%	30%	20%	10%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – SINH HỌC 11

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	TN	TL		
1	Chương I: Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật	-Cơ chế các ion khoáng xâm nhập vào rễ cây. -Con đường xâm nhập ion khoáng và nước vào rễ cây	1	5'								1	5'	10%
		-Nhận diện dòng mạch gỗ, dòng mạch rây và chức năng tương ứng. -Động lực dòng mạch gỗ			1	5'						1	5'	10%
2		-Vai trò của quá trình thoát hơi nước. -Hai con đường thoát hơi nước	2	7,5'			1	5'				3	12,5'	25%
		-Vai trò chung của các nguyên tố dinh dưỡng khoáng thiết yếu. -Vai trò nitơ trong cơ thể thực vật	2	7,5'								2	7,5'	20%

3	Khái niệm, phương trình tổng quát, vai trò của quang hợp.			1	5'	1	5'				2	10''	10%
	-Hệ sắc tố quang hợp. -Sơ đồ hấp thụ và truyền năng lượng ánh sáng của các sắc tố quang hợp			1	5'						1	5''	15%
4	-Các phương pháp bón phân cho cây trồng. -Phân tích hậu quả của bón phân quá mức trong sản xuất nông nghiệp							1	5'		1	5'	10%
Tổng		5	20'	3	15'	3	10'	1	5'		12	50'	100%
Tỉ lệ %		40%		30%		20%		10%					100
Tỉ lệ chung		70%				30%							

II. BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN SINH HỌC LỚP 11

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ yêu cầu cần đạt
	Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật		
1	Trao đổi nước và khoáng ở thực vật:	-Cơ chế các ion khoáng xâm nhập vào rễ cây. -Con đường xâm nhập ion khoáng và nước vào rễ cây	Nhận biết - Các ion khoáng đi vào tế bào lông hút theo chế nào? Cơ chế nào giữ vai trò quan trọng - Nước và ion khoáng vào mạch gỗ theo mấy con đường? Bộ phận nào điều tiết dòng dịch chuyển của nước và ion khoáng?
		- Nhận diện dòng mạch gỗ, dòng mạch rây và chức năng tương ứng.	Thông hiểu - Giải thích các hiện tượng ứ giọt của cây thân thảo, hiện tượng rỉ nhựa.

		-Động lực dòng mạch gỗ	
	- Trao đổi nước và khoáng ở thực vật	-Vai trò của quá trình thoát hơi nước. -Hai con đường thoát hơi nước	Nhận biết - Nêu được vai trò của thoát hơi nước Thông hiểu - Giải thích được thoát hơi nước theo con đường khí khổng giữ vai trò chính.
		-Vai trò chung của các nguyên tố dinh dưỡng khoáng thiết yếu. -Vai trò nitơ trong cơ thể thực vật	Nhận biết - Nêu được từng vai trò của các nguyên tố khoáng trong cây. - Vai trò của nito
2	-Quang hợp ở thực vật	Khái niệm, phương trình tổng quát, vai trò của quang hợp.	Thông hiểu - Nhận biết được khái niệm quang hợp ở thực vật. - Trình bày được vai trò của sản phẩm quang hợp trong tổng hợp chất hữu cơ (chủ yếu là tinh bột), đối với cây và đối với sinh giới. Vận dụng - Chứng minh được sự thích nghi của thực vật C4 và CAM trong điều kiện môi trường bất lợi.
		-Hệ sắc tố quang hợp. -Sơ đồ hấp thụ và truyền năng lượng ánh sáng của các sắc tố quang hợp	Thông hiểu - Giải thích sự khác màu lá giữa các cây vùng ôn đới và nhiệt đới. - Giải thích các cây có màu cam, đỏ, tím có quang hợp được không? - Vì sao lá cây lại có màu xanh lục.
		-Các phương pháp bón phân cho cây trồng. -Phân tích hậu quả của bón phân quá mức trong sản xuất nông nghiệp	Vận dụng cao - Giải thích muốn bón phân có hiệu quả ta phải đảm bảo các yếu tố và nguyên tắc nào? - Giải thích hậu quả khi cây dư lượng phân bón khi chúng ta ăn thường xuyên?

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1
MÔN: Lịch sử 11 – Thời gian làm bài 45 phút

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN	Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	Nhận biết -Trình bày được tiền đề của cách mạng tư sản: kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng -Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản Thông hiểu -Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản. Vận dụng – Phân tích được tính chất và đặc điểm của cách mạng tư sản thông qua dẫn chứng cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp.	8TN	6TN	4TN	2TN

		Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản	Nhận biết - Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ trên bản đồ hoặc đường thời gian. - Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược và phát triển của CNTB. - Trình bày được sự phát triển của CNTB từ tự do sang cạnh tranh độc quyền. Thông hiểu - Chỉ ra được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Vận dụng cao - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của chủ nghĩa tư bản. Vận dụng được những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.	8TN	6TN	4TN	2TN
Tổng			16TN	12 TN	8TN	4TN	
Tỉ lệ %			40	30	20	10	
Tỉ lệ chung			70		30		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 11

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Địa lí							
1	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước	– Các nhóm nước – Sự khác biệt về kinh tế - xã hội	Nhận biết – Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.	3			
2	Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế.	– Toàn cầu hoá kinh tế – Khu vực hoá kinh tế	Nhận biết – Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế. – Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế.	3			
3	Một số tổ chức khu vực và quốc tế	– Một số tổ chức khu vực và quốc tế	- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC).	2			
4	Một số vấn đề an ninh toàn cầu	– An ninh toàn cầu	Nhận biết - Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay. Thông hiểu - Khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.	3			

5	Tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế Mỹ Latinh	– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên – Dân cư, xã hội – Kinh tế – Cộng hoà Liên bang Brasil (Brazil): Tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết	Nhận biết – Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. – Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội của khu vực. Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. – Phân tích được ảnh hưởng của vấn đề đô thị hoá, vấn đề dân cư, xã hội của khu vực đến phát triển kinh tế – xã hội – Giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. Vận dụng – Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. – Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét. Vận dụng cao – Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh. – Viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.	5	1* (a;b)		
Số câu/ loại câu				16 câu TNKQ	1 câu TL (a; b)	1 câu (a) TL	1 câu (b) TL
Tổng hợp chung				40%	30%	20%	10%

			nghiệp. - Phân loại thất nghiệp. - Trình bày nguyên nhân dẫn đến lạm phát												
4	Tổng			1		1		1		1			4	45	100
5	Tỉ lệ			40		30		20		10					
6	Tỉ lệ chung				70			30							

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I (Năm học 2023-2024)
CÔNG NGHỆ 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Gợi thiệu chung về chăn nuôi	Chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	Nhận biết: - Trình bày được vai trò và triển vọng của chăn nuôi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Thông hiểu: - Nêu được một số thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi.	3	2		
		Xu hướng phát triển của chăn nuôi	Nhận biết: - Nêu được xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới. Thông hiểu: - Phân biệt được đặc điểm cơ bản của mô hình chăn nuôi bền vững và mô hình chăn nuôi thông minh.	3	2		

		Phân loại vật nuôi	Nhận biết: - Nêu được khái niệm vật nuôi. - Nêu được các điều kiện để động vật được gọi là vật nuôi. Thông hiểu: - Trình bày được cách phân loại các giống vật nuôi : + Căn cứ vào nguồn gốc. + Căn cứ vào đặc tính sinh vật học. + Căn cứ mục đích sử dụng. Vận dụng: - Phân loại được các vật nuôi của địa phương vào các nhóm phù hợp theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng. Vận dụng cao: - Phân loại được một số giống vật nuôi qua ngoại hình.	1	2	3	2
		Phương thức chăn nuôi	Nhận biết: - Nêu được đặc điểm của một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta: + Chăn thả tự do. + Chăn nuôi công nghiệp. + Chăn nuôi bán công nghiệp. Thông hiểu: - Nêu được ưu điểm, nhược điểm của một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta: + Chăn thả tự do. + Chăn nuôi công nghiệp.	4	2	2	

			+ Chăn nuôi bán công nghiệp. Vận dụng: - Nhận diện được một số một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta.				
2	Công nghệ giống vật nuôi	Giống vật nuôi	Nhận biết: - Nêu được khái niệm và vai trò của giống trong chăn nuôi. Thông hiểu: - Giải thích được vai trò của giống đối với chăn nuôi (năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, khả năng chống chịu điều kiện bất lợi,...) Vận dụng: - Phân loại được các giống vật nuôi dựa vào các đặc điểm cơ bản. Vận dụng cao: - Nhận diện được một số giống vật nuôi qua ngoại hình.	2	2	2	1

TTCM

Trần Thị Hà



SỞ GD&ĐT TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 - MÔN TIN HỌC - KHỐI 11- NH 2022-2023
- HÌNH THỨC: TRẮC NGHIỆM - THỜI GIAN LÀM BÀI: 35 PHÚT

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1. Máy tính và xã hội tri thức	Khái niệm cơ bản về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng	2		2						16%
		Thực hành sử dụng hệ điều hành					1		1		8%
		Phần mềm nguồn mở, phần mềm chạy trên Internet	3		2		1		1		28%
		Những bộ phận chính bên trong máy tính	3		2						20%
		Kết nối máy tính với các thiết bị số	2		2		1				20%
2	Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Lưu trữ và chia sẻ tập tin trên Internet					1		1		8%
Tổng			10		8		4		3		25
Tỉ lệ %			40%		32%		16%		12%		100%
Tỉ lệ chung			72%				28%				100%

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 MÔN TIN HỌC, LỚP 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 35 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1. Máy tính và xã hội tri thức	Khái niệm cơ bản về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng	Nhận biết - Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển của hai hệ điều hành thông dụng cho PC, một hệ điều hành là phần mềm thương mại và hệ điều hành còn lại là phần mềm nguồn mở. Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một trong hai hệ điều hành đó. - Trình bày được vài nét chính về một hệ điều hành thông dụng cho thiết bị di động và sử dụng được một số tiện ích cơ bản của hệ điều hành đó. Thông hiểu - Trình bày được một cách khái quát mối quan hệ giữa phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng. Trình bày được vai trò riêng của mỗi thành phần trong hoạt động chung của cả hệ thống.	2 (TN)	2 (TN)		
		Thực hành sử dụng hệ điều hành	Vận dụng, vận dụng cao Sử dụng được một số tiện ích có sẵn của hệ điều hành để nâng cao hiệu suất sử dụng máy tính.			1(TN)	1(TN)

		Phần mềm nguồn mở, phần mềm chạy trên Internet Nhận biết - Sử dụng được một số tiện ích có sẵn của hệ điều hành để nâng cao hiệu suất sử dụng máy tính. - Nêu được tên một số phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm bảng tính và phần mềm trình chiếu, phần mềm đồ họa nguồn mở Thông hiểu - So sánh được phần mềm nguồn mở với phần mềm thương mại (nguồn đóng). Nêu được vai trò của phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại đối với sự phát triển của ICT. Vận dụng, vận dụng cao Biết cách lựa chọn phần mềm nguồn mở cho 1 công việc cụ thể	3(TN)	2(TN)	1(TN)	(1TN)
		Những bộ phận chính bên trong máy tính Nhận biết - Nhận diện được hình dạng của các bộ phận chính bên trong thân máy tính như CPU, RAM và các thiết bị lưu trữ. - Mô tả được chức năng của các bộ phận chính bên trong thân máy tính như CPU, RAM và các thiết bị lưu trữ. Thông hiểu - Phân biệt được bộ nhớ trong và bộ nhớ ngoài - Phân biệt được ROM và RAM - Biết các thao tác cơ bản để chuyển đổi dữ liệu từ bộ nhớ trong ra bộ nhớ ngoài và ngược lại	3 (TN)	2 (TN)		

		Kết nối máy tính với các thiết bị số Nhận biết - Biết được các bộ phận thân máy, bàn phím, chuột, màn hình của máy tính với nhau. Thông hiểu - Biết được cách kết nối các bộ phận thân máy, bàn phím, chuột, màn hình của máy tính với nhau. - Đọc hiểu được một số thông số cơ bản như kích thước màn hình, CPU, RAM, dung lượng lưu trữ, độ phân giải camera,... của các thiết bị số thông dụng. Ví dụ: PC, máy tính bảng, điện thoại thông minh, tivi có khả năng kết nối Internet,... - Giải thích được một số thông số cơ bản như kích thước màn hình, CPU, RAM, dung lượng lưu trữ, độ phân giải camera, ... của các thiết bị số thông dụng. Ví dụ: PC, máy tính bảng, điện thoại thông minh, tivi có khả năng kết nối Internet,... Vận dụng - Biết cách sử dụng linh hoạt các thiết bị vào, ra cho các công việc cụ thể	2 (TN)	2 (TN)	1(TN)	
--	--	---	--------	--------	-------	--

2	Chủ đề 2. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN	Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet	Vận dụng, vận dụng cao – Sử dụng được một số công cụ trực tuyến như Google Drive hay Dropbox, ... để lưu trữ và chia sẻ tệp tin.			(1TN)	1(TN)
Tổng				10 (TN)	8 (TN)	4 (TN)	3 (TN)
Tỉ lệ %				40%	32%	16%	12%
Tỉ lệ chung				72%		28%	

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA KÌ I (Năm học 2023-2024)
MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP - 11

STT	CHỦ ĐỀ	HOẠT ĐỘNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
1	Xây dựng và phát triển nhà trường	Hoạt động 4: Rèn luyện kỹ năng làm chủ và kiểm soát các mối quan hệ với bạn bè ở trường, qua mạng xã hội.	- Xây dựng cách làm chủ, kiểm soát mối quan hệ với bạn bè trong trường cũng như qua mạng xã hội.
		Hoạt động 5: Hợp tác với bạn để cùng xây dựng và phát triển nhà trường	- Lập và thực hiện được kế hoạch giáo dục truyền thống nhà trường.
		Hoạt động 7: Vận dụng các kỹ năng đã được rèn luyện vào thực tiễn	- Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
2	Khám phá bản thân	Hoạt động 4: Thiết kế và trình bày sản phẩm giới thiệu đặc điểm riêng của bản thân.	- Tự tin chia sẻ với bạn về đặc điểm riêng của bản thân
		Hoạt động 5: Xây dựng kế hoạch điều chỉnh bản thân	- Lập được kế hoạch điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi.
		Hoạt động 6: Xây dựng kế hoạch phát triển sở trường liên quan đến định hướng nghề nghiệp	- Lập kế hoạch phát triển sở trường liên quan đến định hướng nghề nghiệp trong tương lai.
		Hoạt động 7: Thể hiện sự tự tin về những đặc điểm riêng của bản thân trong thực tiễn cuộc sống.	- Thực hiện kế hoạch điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi.

Nhóm trưởng HĐTN 11

Trần Thị Hà